

<b>vietjet Air.com</b>	<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	Số: VJC-HĐQT-QC-02
	<b>QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN</b>	Ban hành/Sửa đổi: 02/00
		Ngày hiệu lực: 20/02/2017
		Trang: 1 / 23

**vietjet Air.com**

**KIỂM TRA VÀ PHÊ DUYỆT**

Cấp trình/ Phê duyệt	Chức danh và Họ tên	Chữ ký	Ngày
Bộ phận trình duyệt	Thư ký HĐQT		20 FEB 2017
	Phạm Thị Yên		
Trưởng ban Kiểm soát	Trần Dương Ngọc Thảo		20 FEB 2017
Hội đồng Quản trị	Chủ tịch HĐQT		20 FEB 2017
	Nguyễn Thanh Hà		



**CHỈNH SỬA TÀI LIỆU**

STT	Ngày hiệu lực	Vị trí	Nội dung chỉnh sửa

**DANH SÁCH PHÂN PHỐI**

STT	Người nhận	Ghi chú
1	Hội đồng Quản trị	
2	Ban Điều hành	
3	Ban Kiểm soát	
4	Các Trưởng đơn vị	

**MỤC LỤC**

<b>Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG</b> .....	<b>4</b>
Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh .....	4
Điều 2. Giải thích từ ngữ.....	4
Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin .....	5
 <b>Chương II: QUY ĐỊNH CỤ THỂ</b> .....	<b>5</b>
Điều 4. Các loại hình công bố thông tin .....	5
Điều 5. Các loại thông tin được công bố.....	5
Điều 6. Thời hạn và nội dung công bố thông tin .....	6
Điều 7. Công bố thông tin khi thực hiện chào bán trái phiếu ra công chúng.....	13
Điều 8. Công bố thông tin về việc chào bán chứng khoán ra công chúng và tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán .....	14
Điều 9. Hình thức và phương tiện công bố thông tin .....	15
Điều 10. Tạm hoãn công bố thông tin .....	15
Điều 11. Bảo quản, lưu giữ thông tin .....	15
Điều 12. Xử lý vi phạm về công bố thông tin .....	16

<b>Chương III: THẨM QUYỀN, QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN.....</b>	<b>16</b>
Điều 13. Thẩm quyền của Người công bố thông tin .....	16
Điều 14. Sơ đồ công bố thông tin .....	16
Điều 15. Trình tự công bố thông tin .....	17
Điều 16. Người phát ngôn.....	20
Điều 17. Nội dung phát ngôn .....	20
Điều 18. Nhiệm vụ và quyền hạn của người phát ngôn.....	20
<b>Chương IV: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH .....</b>	<b>21</b>
Điều 19. Điều khoản thi hành.....	21
Điều 20. Thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quy chế.....	22

# CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

## **Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh**

Quy chế này quy định cơ chế công bố các thông tin liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet với các cơ quan có thẩm quyền và/hoặc công bố trên thị trường chứng khoán, trên các phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định của pháp luật với tư cách là công ty đại chúng quy mô lớn, tổ chức niêm yết và tổ chức phát hành thực hiện chào bán trái phiếu ra công chúng (nếu có).

## **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. “Công ty” là Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet.
2. “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet.
3. Người nội bộ của Công ty là:
  - a) Thành viên Hội đồng quản trị;
  - b) Thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm toán nội bộ;
  - c) Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc điều hành hoặc các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ công ty;
  - d) Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng, Trưởng phòng tài chính kế toán, người phụ trách kế toán;
  - đ) Người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền công bố thông tin.
4. “Công bố thông tin” là việc Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet định kỳ, bất thường hoặc theo yêu cầu của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN), Sở Giao dịch Chứng khoán (SGDCK) và theo quy định pháp luật công bố trên thị trường chứng khoán, trên các phương tiện thông tin đại chúng các thông tin cần công bố theo quy định.
5. “Phát ngôn” là một hình thức công bố thông tin đặc biệt không bị ràng buộc bởi các quy định đối với hình thức công bố thông tin quy định tại khoản 3 Điều này, chủ yếu thực hiện thông qua hoạt động tiếp xúc, trả lời và tuyên bố trước các phương tiện thông tin đại chúng về các chủ trương, chính sách, quyết định quan trọng của Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet. Việc phát ngôn do người phát ngôn được Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet chỉ định và giao nhiệm vụ thực hiện.
6. “Các đơn vị trực thuộc” là các Phòng, Ban nghiệp vụ, và các chi nhánh, đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet có liên quan đến các thông tin cần được công bố theo quy định.
7. “Bộ phận Công bố thông tin” là Bộ phận có chức năng thu thập, tổng hợp, xử lý và gửi các thông tin đã được duyệt của Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet để công bố. Đồng thời có chức năng quản lý cập nhật trang thông tin điện tử: [www.vietjetair.com](http://www.vietjetair.com) của Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet.



8. "Thông tư 155" là Thông tư số 155/2015/TT-BTC hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/10/2015.

### **Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin**

1. Các thông tin công bố phải đầy đủ, chính xác, kịp thời, nhất quán, có căn cứ, và tuân theo quy định của pháp luật.
2. Trường hợp có bất kỳ thông tin thất thiệt nào làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán thì Người đại diện theo pháp luật hoặc Người được uỷ quyền công bố thông tin phải đính chính thông tin đó trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi nhận được thông tin đó hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý.
3. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Người đại diện theo pháp luật hoặc Người được uỷ quyền công bố thông tin phải báo cáo và đồng thời có văn bản giải trình cho UBCKNN, SGDCK.
4. Việc công bố thông tin phải được thực hiện đồng thời với việc báo cáo UBCKNN, SGDCK về nội dung thông tin công bố.
5. Quá trình tập hợp, công bố, lưu giữ và bảo quản các thông tin cần công bố phải được thực hiện theo đúng các quy định của Quy chế này và các quy định pháp luật có liên quan.

## **CHƯƠNG II QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

### **Mục 1. Các nội dung công bố thông tin**

#### **Điều 4. Các loại hình công bố thông tin**

1. Công bố thông tin định kỳ.
2. Công bố thông tin bất thường.
3. Công bố thông tin theo yêu cầu.

#### **Điều 5: Các loại thông tin được công bố**

1. Công bố thông tin về Giao dịch với Bên Có Liên Quan.
2. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu.
3. Công bố thông tin liên quan đến quản trị công ty.
4. Công bố thông tin về chào mua công khai;
5. Công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu quỹ.
6. Các công bố thông tin khác theo quy định pháp luật (nếu có).

#### **Điều 6. Thời hạn và nội dung công bố thông tin**

1. **Công bố thông tin định kỳ:** Thực hiện theo quy định tại Điều 8, Điều 11 Thông tư 155.

Công ty định kỳ hàng quý, 6 tháng đầu năm và hàng năm, báo cáo UBCKNN, SGDCK và công bố trên các phương tiện thông tin của Công ty các thông tin sau đây:

**a) Báo cáo tài chính năm:**

Chậm nhất là mười (10) ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán độc lập ký báo cáo kiểm toán, Công ty phải công bố thông tin về báo cáo tài chính năm được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán, cụ thể như sau:

(i) Thời hạn công bố thông tin Báo cáo tài chính năm không quá chín mươi (90) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Trường hợp Công ty không thể hoàn thành việc công bố báo cáo tài chính năm trong thời hạn nêu trên do phải lập báo cáo tài chính năm hợp nhất hoặc báo cáo tài chính năm tổng hợp; hoặc do các công ty con, công ty liên kết của Công ty cũng phải lập báo cáo tài chính năm có kiểm toán, báo cáo tài chính năm hợp nhất hoặc báo cáo tài chính năm tổng hợp thì Công ty có thể yêu cầu Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn thời gian công bố báo cáo tài chính năm, nhưng tối đa không quá 100 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật liên quan;

(ii) Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

(iii) Trường hợp Công ty là công ty mẹ của tổ chức khác thì nội dung công bố thông tin về báo cáo tài chính năm bao gồm báo cáo tài chính năm của Công ty và báo cáo tài chính năm hợp nhất theo quy định của pháp luật về kế toán. Trường hợp Công ty là đơn vị kế toán cấp trên có các đơn vị kế toán trực thuộc thì Báo cáo tài chính năm bao gồm Báo cáo tài chính năm của Công ty và Báo cáo tài chính năm tổng hợp theo quy định của pháp luật kế toán;

(iv) Toàn văn báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phải được công bố đầy đủ, kể cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó. Trường hợp kiểm toán không chấp nhận toàn phần báo cáo tài chính, Công ty phải công bố báo cáo tài chính năm, báo cáo kiểm toán kèm theo văn bản giải trình;

(v) Báo cáo tài chính năm, Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính năm phải được lưu trữ bằng văn bản và dữ liệu điện tử ít nhất mười (10) năm tại Trụ sở chính của Công ty.

**b) Báo cáo tài chính bán niên:**

(i) Công ty phải lập và công bố thông tin về báo cáo tài chính bán niên (sáu tháng đầu năm tài chính) đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán trong thời hạn năm (05) ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán

được chấp thuận ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày kết thúc sáu tháng đầu năm tài chính.

Trường hợp Công ty không thể hoàn thành việc công bố báo cáo tài chính bán niên trong thời hạn nêu trên do phải lập báo cáo tài chính bán niên hợp nhất hoặc báo cáo tài chính bán niên tổng hợp; hoặc do các công ty con, công ty liên kết của Công ty cũng phải lập báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét, báo cáo tài chính bán niên hợp nhất, báo cáo tài chính bán niên tổng hợp thì Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn thời gian công bố báo cáo tài chính bán niên khi có yêu cầu bằng văn bản của Công ty, nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật liên quan;

(ii) Báo cáo tài chính bán niên phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của công ty, được lập theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 8 Thông tư 155;

(iii) Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo ý kiến kiểm toán và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp báo cáo tài chính bán niên được soát xét có kết luận của kiểm toán viên là không đạt yêu cầu.

**c) Báo cáo tài chính quý:**

Công ty phải công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính quý như sau:

(i) Thời hạn công bố báo cáo tài chính quý là trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét và không quá hai mươi (20) ngày kể từ ngày kết thúc quý. Trường hợp Công ty không thể hoàn thành việc công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn nêu trên do phải lập báo cáo tài chính quý hợp nhất hoặc báo cáo tài chính quý tổng hợp thì thời hạn công bố báo cáo tài chính quý là 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý sau khi đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn thời gian công bố báo cáo tài chính quý;

(ii) Báo cáo tài chính quý phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Thông tư 155;

(iii) Toàn văn báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có) phải được công bố đầy đủ, kèm theo ý kiến kiểm toán và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) có kết luận của kiểm toán viên là không đạt yêu cầu.

d) Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính năm, bán niên và quý, Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:



- (i) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của quý giữa kỳ báo cáo so với cùng kỳ báo cáo quý năm trước có biến động từ mười phần trăm (10%) trở lên;
- (ii) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;
- (iii) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính quý 2 đã công bố so với báo cáo tài chính bán niên được soát xét; hoặc tại báo cáo tài chính quý 4 đã công bố so với báo cáo tài chính năm được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại;
- (iv) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên.

Trường hợp Công ty là công ty mẹ thì phải giải trình rõ các nguyên nhân đó trong cả Báo cáo kết quả kinh doanh công ty mẹ và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất; trường hợp Công ty là đơn vị kế toán cấp trên có các đơn vị kế toán trực thuộc thì phải giải trình nguyên nhân trong cả Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp.

e) **Báo cáo thường niên:**

Công ty phải lập Báo cáo thường niên theo Phụ lục 04 kèm theo Thông tư 155 và công bố thông tin về Báo cáo thường niên chậm nhất là hai mươi (20) ngày sau khi công bố Báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Việc công bố thông tin phải được thực hiện trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của Công ty, phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK và lưu trữ bằng văn bản và dữ liệu điện tử ít nhất mười (10) năm tiếp theo tại trụ sở chính của Công ty để nhà đầu tư tham khảo. Thông tin tài chính trong Báo cáo thường niên phải phù hợp với Báo cáo tài chính năm được kiểm toán.

f) **Báo cáo tình hình quản trị công ty:**

Định kỳ sáu (06) tháng và năm Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty theo Phụ lục 05 kèm theo Thông tư 155, đồng thời báo cáo UBCKNN, SGDCK. Thời hạn công bố thông tin Báo cáo tình hình quản trị công ty chậm nhất là ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo. Việc công bố thông tin được thực hiện trên trang thông tin điện tử của Công ty và trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK.

g) **Họp Đại hội đồng cổ đông:**

Công ty phải công bố thông tin định kỳ về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.



- (i) Chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty sẽ công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp là tổ chức đã niêm yết) về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bao gồm: thông báo mời họp, mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị; các tài liệu tham khảo làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông;
- (ii) Trường hợp không tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất, Công ty phải công bố về chương trình và thời điểm dự kiến tổ chức các cuộc họp kế tiếp, tiếp tục duy trì việc đăng tải và cho phép cổ đông tải tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản này cho tới khi tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông. Thời điểm tổ chức các cuộc họp kế tiếp thực hiện theo quy định pháp luật về doanh nghiệp;
- (iii) Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên phải được công bố trong thời hạn 24 giờ kể từ khi được ban hành.

## **2. Công bố thông tin bất thường**

- a) Công ty phải công bố thông tin trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
  - (i) Vốn chủ sở hữu của Công ty bị giảm từ 10% trở lên hoặc tổng tài sản bị giảm từ mười phần trăm (10%) tính tại Báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc Báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;
  - (ii) Quyết định/Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị liên quan đến vấn đề tăng, giảm vốn điều lệ; góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác có giá trị từ mười phần trăm (10%) trở lên tổng tài sản của Công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét; góp vốn có giá trị từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ của công ty nhận vốn góp;
  - (iii) Được chấp thuận hoặc bị hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài;
  - (iv) Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị về việc mua, bán tài sản có giá trị từ mười lăm phần trăm (15%) trở lên trên tổng tài

sản của Công ty tính tại Báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc Báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;

- (v) Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị hoặc văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (đối với những trường hợp cần được chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền) về việc đóng mở công ty trực thuộc, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện;
- (vi) Khi có giải trình liên quan đến các số liệu tài chính do công ty phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật khác với số liệu tài chính tại Báo cáo tài chính được kiểm toán;
- (vii) Tài khoản của công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa, ngoại trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của chính công ty;
- (viii) Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;
- (ix) Thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 135 của Luật Doanh nghiệp (kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Biên bản kiểm phiếu);
- (x) Quyết định của Hội đồng quản trị về việc mua hoặc bán cổ phiếu quỹ; về ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phiếu hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán theo quy định tại khoản 2 Điều 149 của Luật Doanh nghiệp; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- (xi) Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị (kèm Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Biên bản kiểm phiếu) về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, phát hành cổ phiếu thưởng; về việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp; tách, gộp cổ phiếu;
- (xii) Có quyết định khởi tố, bản án, quyết định của Tòa án đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng, thành viên Ban kiểm soát của Công ty; có quyết định khởi tố, bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; có kết luận của cơ quan thuế về việc Công ty vi phạm pháp luật về thuế;
- (xiii) Khi có sự thay đổi nhân sự chủ chốt của công ty (thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng);

- (xiv) Khi có thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;
- (xv) Quyết định vay hoặc phát hành trái phiếu có giá trị từ ba mươi phần trăm (30%) vốn chủ sở hữu trở lên tính tại Báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc Báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;
- (xvi) Quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi cổ phiếu ưu đãi;
- (xvii) Công ty nhận được thay đổi nội dung liên quan đến Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;
- (xviii) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành;
- (xix) Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp), giải thể doanh nghiệp; thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;
- (xx) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); doanh nghiệp kiểm toán từ chối kiểm toán báo cáo tài chính của công ty; kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính (nếu có); ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với báo cáo tài chính;
- (xxi) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết; đóng, mở chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện;
- (xxii) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan;
- (xxiii) Khi nhận được bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; kết luận của cơ quan thuế về việc công ty vi phạm pháp luật về thuế;
- (xxiv) Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm Người nội bộ theo quy định tại Thông tư 155. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm Người nội bộ, Công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao



dịch chứng khoán, đăng ký giao dịch Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư 155;

(xxv) Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;

(xxvi) Khi xảy ra các sự kiện có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty.

- b) Công ty phải công bố thông tin bất thường trên đây trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của Công ty và trên phương tiện công bố thông tin của SGDC, UBCK.
- c) Công ty khi công bố thông tin bất thường phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân, kế hoạch và các giải pháp khắc phục (nếu có).

### **3. Công bố thông tin theo yêu cầu**

- a) Công ty phải công bố thông tin trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDC bao gồm các sự kiện sau đây:
  - (i) Khi Công ty xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
  - (ii) Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

Nội dung công bố thông tin phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDC yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

- b) Công ty phải công bố thông tin theo yêu cầu của UBCKNN, SGDC thông qua các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của Công ty, qua phương tiện thông tin đại chúng hoặc phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDC.

### **4. Công bố thông tin về giao dịch của Người nội bộ**

- (i) Người nội bộ khi dự kiến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của Công ty, kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDC (cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm...(ngoại trừ giao dịch cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của nhà đầu tư)) phải báo cáo cho UBCKNN, SGDC và Công ty trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là ba (03) ngày làm việc. Thời hạn dự kiến giao dịch không quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên sau hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi có công bố thông tin từ SGDC. Nội dung báo cáo theo quy định tại Phụ lục 10 và Phụ lục 11 Thông tư 155;
- (ii) Trong vòng ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch đã đăng ký, người thực hiện giao dịch phải báo cáo cho UBCKNN, SGDC và Công



ty về kết quả thực hiện giao dịch theo Phụ lục 12 và Phụ lục 13 Thông tư 155;

- (iii) Trường hợp các đối tượng này không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký, trong vòng ba (3) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người thực hiện giao dịch phải báo cáo lý do không thực hiện được giao dịch với UBCKNN, SGDCK;
- (iv) Người nội bộ phải thực hiện giao dịch đúng thời gian giao dịch như đã đăng ký với UBCKNN, SGDCK và không được đăng ký mua và bán cổ phiếu/quyền mua cổ phiếu của Công ty trong cùng một khoảng thời gian và chỉ được đăng ký giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.
- (v) Trường hợp Người nội bộ đồng thời là cổ đông lớn thì thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như quy định đối với Người nội bộ.

**5. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu**

Công ty phải báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu cho SGDCK, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam ít nhất là mười (10) ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến để công bố thông tin.

**6. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai**

Công ty phải công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn khi thực hiện chào mua công khai và khi Công ty bị chào mua.

**7. Công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu quỹ**

Công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định của Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn.

**Mục 2. Công bố thông tin khi thực hiện chào bán trái phiếu, cổ phiếu ra công chúng**

**Điều 7. Công bố thông tin khi thực hiện chào bán trái phiếu ra công chúng**

**1. Thời gian công bố thông tin**

Công ty khi thực hiện chào bán trái phiếu ra công chúng phải công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 155 trong khoảng thời gian từ khi phát hành trái phiếu ra công chúng đến khi hoàn tất thanh toán trái phiếu.

**2. Nội dung công bố thông tin**

a) Công bố thông tin định kỳ

Công ty phải công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính năm, báo cáo thường niên theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này.

b) Công bố thông tin bất thường

Công ty khi phát hành trái phiếu ra công chúng phải công bố thông tin về các sự kiện sau trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của mình và trên trang thông tin điện tử của UBCKNN, SGDCK:

- (i) Tài khoản của Công ty bị phong tỏa hoặc tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa;
- (ii) Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy phép hoạt động;
- (iii) Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp), giải thể doanh nghiệp; thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;
- (iv) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết; đóng, mở chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện;
- (v) Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;  
Khi Công ty công bố thông tin bất thường phải nêu rõ nguyên nhân và nội dung sự kiện xảy ra, kế hoạch và các giải pháp khắc phục (nếu có).

c) Trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi không bắt buộc, Công ty phải gửi thư thông báo tới từng trái chủ và thực hiện công bố thông tin về thời gian, tỷ lệ, giá, địa điểm đăng ký chuyển đổi chậm nhất một (01) tháng trước ngày chuyển đổi trái phiếu trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của Công ty và trên các phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK.

**Điều 8. Công bố thông tin về việc chào bán chứng khoán ra công chúng và tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán**

1. Công ty thực hiện chào bán trái phiếu ra công chúng phải tuân thủ quy định về công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chào bán trái phiếu ra công chúng.
2. Trường hợp công ty chào bán trái phiếu ra công chúng để huy động vốn cho dự án đầu tư, định kỳ sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, Công ty phải báo

cáo UBCKNN và phải công bố thông tin trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của công ty và trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo. Trường hợp thay đổi mục đích sử dụng vốn, Công ty phải công bố thông tin về lý do và Quyết định/Nghị quyết của Hội đồng quản trị/Đại hội đồng cổ đông về sự thay đổi đó trong vòng 24 giờ, kể từ khi có quyết định về việc thay đổi mục đích sử dụng vốn. Công ty thực hiện báo cáo và công bố thông tin trên cho đến khi giải ngân hết vốn huy động được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng.

### **Mục 3. Hình thức, phương tiện, tạm hoãn công bố thông tin**

#### **Điều 9. Hình thức và phương tiện công bố thông tin**

1. Việc công bố thông tin được thực hiện qua các phương tiện công bố thông tin như:
  - Báo cáo thường niên, trang thông tin điện tử (Website) và các ấn phẩm khác của Công ty;
  - Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN;
  - Trang thông tin điện tử của SGDCK;
  - Trang thông tin điện tử của TTLKCK;
  - Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật.
2. Các tài liệu, báo cáo gửi cho UBCKNN, SGDCK được thể hiện dưới hình thức văn bản và hình thức dữ liệu điện tử có sử dụng chữ ký số theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.
3. Công ty phải lập trang thông tin điện tử (Website) của mình. Trang thông tin điện tử phải có các chuyên mục về quan hệ cổ đông, trong đó phải có Điều lệ công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Bản cáo bạch, Báo cáo thường niên, Báo cáo tài chính định kỳ phải công bố theo quy định và các vấn đề liên quan đến kỳ họp Đại hội đồng cổ đông. Ngoài ra, trang thông tin điện tử phải thường xuyên cập nhật các thông tin phải công bố theo quy định tại Thông tư số 155. Công ty phải thông báo với UBCKNN, SGDCK và công khai về địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi.

#### **Điều 10. Tạm hoãn công bố thông tin**

1. Trường hợp việc công bố thông tin không thể thực hiện được vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh và những trường hợp khác được UBCKNN chấp thuận cho tạm hoãn công bố thông tin), Công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK ngay khi xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc trước thời hạn công bố thông tin đối với những trường hợp khác mà Công ty đề nghị UBCKNN chấp thuận cho tạm hoãn công bố và phải thực hiện công bố thông tin ngay sau khi sự kiện bất khả kháng đã được khắc phục.
2. Việc tạm hoãn công bố thông tin được UBCKNN chấp thuận bằng văn bản phải được công bố trên các phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK và Công ty; trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin.

#### **Mục 4. Bảo quản, lưu giữ thông tin và xử lý vi phạm về công bố thông tin**

##### **Điều 11. Bảo quản, lưu giữ thông tin**

Các đối tượng công bố thông tin thực hiện bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định của pháp luật.

##### **Điều 12. Xử lý vi phạm về công bố thông tin**

Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.



**CHƯƠNG III.**  
**THẨM QUYỀN, QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ PHÁT NGÔN**

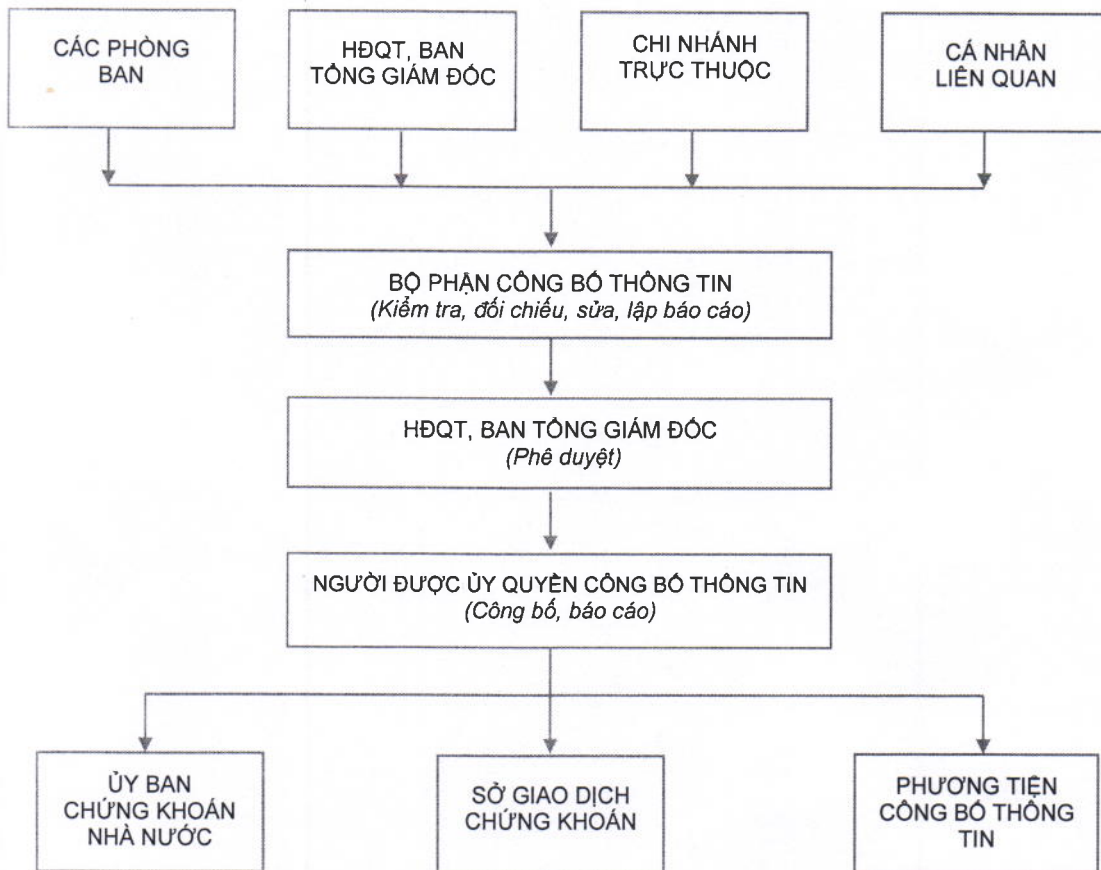
**Mục 1. Thẩm quyền và trình tự công bố thông tin**

**Điều 13. Thẩm quyền của Người công bố thông tin**

1. Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm công bố thông tin đối với tất cả các nội dung công bố thông tin theo Quy chế này.
2. Người được ủy quyền công bố thông tin có quyền công bố nội dung quy định tại Điều 5 Quy chế này.

Trường hợp có bất kỳ thông tin nào làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán thì Người đại diện theo pháp luật hoặc Người được ủy quyền công bố thông tin phải xác nhận hoặc đính chính thông tin đó trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi nhận được thông tin đó hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý.

**Điều 14. Sơ đồ công bố thông tin**



**Điều 15. Trình tự công bố thông tin**

## 1. Tập hợp thông tin

Bộ phận Công bố thông tin có trách nhiệm tập hợp các thông tin cần công bố từ các đơn vị có liên quan trong thời hạn như sau:

a) Trường hợp công bố thông tin định kỳ:

(i) Hàng quý (quy định tại khoản 1, Điều 5 Quy chế này): 16 ngày kể từ ngày kết thúc quý áp dụng cho báo cáo tài chính quý của Công ty và 17 ngày kể từ ngày kết thúc quý áp dụng cho báo cáo tài chính hợp nhất;

(ii) Sáu tháng đầu năm (quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy chế này): 40 ngày kể từ ngày kết thúc quý 2 hàng năm đối với báo cáo tài chính bán niên của Công ty và 42 ngày kể từ ngày kết thúc quý 2 hàng năm đối với báo cáo tài chính hợp nhất. BCTC soát xét bán niên sẽ được công bố trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét;

(iii) Hàng năm (quy định tại Điều 5 Quy chế này): Chậm nhất 85 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

b) Trường hợp công bố thông tin bất thường:

(i) Đối với quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 5 Quy chế này: Trong vòng 12 giờ tính từ thời điểm xảy ra sự kiện.

c) Trường hợp công bố thông tin theo yêu cầu (quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 5 Quy chế này): Trong vòng 12 giờ tính từ thời điểm đơn vị nhận được thông báo từ Công bố thông tin.

d) Trường hợp công bố thông tin về giao dịch của các cổ đông nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin và người có liên quan của các đối tượng này.

- Dự kiến giao dịch cổ phiếu Công ty: gửi thông tin về Công bố thông tin chậm nhất 1 ngày làm việc;

- Kể từ ngày hoàn tất giao dịch: gửi báo cáo theo Phụ lục 10 và Phụ lục 11 Thông tư số 155 về Công bố thông tin 1 ngày làm việc;

- Trường hợp không thực hiện được giao dịch, chậm nhất 1 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch: gửi báo cáo lý do không thực hiện được giao dịch về Công bố thông tin.

e) Trường hợp công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu.

Phòng ban nghiệp vụ có liên quan gửi về bộ phận Công bố thông tin báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu căn cứ pháp lý liên quan ít nhất là mười (10) ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng.

f) Trường hợp công bố thông tin liên quan đến quản trị công ty

➤ Công bố thông tin lập báo cáo quản trị 6 tháng đã được HĐQT/Ban Tổng giám đốc phê duyệt trước ngày thứ hai mươi (20) của tháng đầu quý tiếp theo;

- Công bố thông tin lập báo cáo quản trị năm đã được HĐQT/Ban Tổng giám đốc phê duyệt chậm nhất mười (10) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn hoàn thành Báo cáo tài chính năm.

g) Trường hợp công bố thông tin về việc chào bán chứng khoán và tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.

- Phòng ban nghiệp vụ gửi thông tin về bộ phận Công bố thông tin ngay sau khi thông tin được ban hành;

- Định kỳ 6 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, phòng ban nghiệp vụ có liên quan gửi báo cáo về tiến độ sử dụng vốn về Công bố thông tin vào ngày thứ 20 của tháng thứ 6.

## 2. Xử lý thông tin

Sau khi tập hợp thông tin từ các đơn vị có liên quan, Bộ phận Công bố thông tin có trách nhiệm xử lý thông tin cần công bố theo thời hạn và yêu cầu như sau:

a) Trường hợp công bố thông tin định kỳ:

(i) Hàng quý: 17 ngày kể từ ngày kết thúc quý đối với báo cáo tài chính của Công ty, 18 ngày kể từ ngày kết thúc quý đối với báo cáo tài chính hợp nhất;

(ii) Sáu tháng đầu năm: 42 ngày kể từ ngày kết thúc quý 2 đối với báo cáo tài chính của Công ty, 44 ngày kể từ ngày kết thúc quý 2 đối với báo cáo tài chính hợp nhất;

(iii) Hàng năm: Chậm nhất 88 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

b) Trường hợp công bố thông tin bất thường:

(i) Đối với quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 5 Quy chế này: Trong vòng 18 giờ tính từ thời điểm xảy ra sự kiện.

c) Trường hợp công bố thông tin theo yêu cầu: Trong vòng 18 giờ tính từ thời điểm Công ty nhận được yêu cầu.

d) Trường hợp công bố thông tin về giao dịch của các cổ đông nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin và người có liên quan của các đối tượng này.

- Dự kiến giao dịch cổ phiếu Công ty: 1 ngày làm việc;

- Kể từ ngày hoàn tất giao dịch: 1 ngày làm việc;

- Trường hợp không thực hiện được giao dịch, chậm nhất 1 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch.

e) Trường hợp công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu: mười (10) ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng.

➤ Trường hợp công bố thông tin liên quan đến quản trị công ty: Báo cáo sáu tháng, báo cáo năm: 25 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng, năm.

- f) Trường hợp công bố thông tin về việc chào bán chứng khoán và tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán: 1 ngày làm việc. Báo cáo về tiến độ sử dụng vốn: ngày thứ 25 của tháng thứ 6.
- g) Việc xử lý thông tin phải hoàn thành các công việc sau:
  - (i) Kiểm tra nội dung thông tin, đối chiếu với các quy định về công bố thông tin;
  - (ii) Soạn thảo văn bản công bố thông tin;
  - (iii) Chuyển văn bản công bố thông tin cho Người công bố thông tin xem xét, thông qua;

### 3. Xét duyệt và công bố thông tin

Sau khi nhận thông tin đã được xử lý từ bộ phận Công bố thông tin, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc có trách nhiệm xét duyệt; sau đó Người có thẩm quyền công bố thông tin chịu trách nhiệm công bố thông tin theo thời hạn như sau:

- a) Trường hợp công bố thông tin định kỳ:
  - (i) Hàng quý: 18 ngày kể từ ngày kết thúc quý đối với báo cáo tài chính của Công ty, 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý đối với báo cáo tài chính hợp nhất;
  - (ii) Sáu tháng đầu năm: 43 ngày kể từ ngày kết thúc quý 2 đối với báo cáo tài chính của Công ty, 45 ngày kể từ ngày kết thúc quý 2 đối với báo cáo tài chính hợp nhất;
  - (iii) Hàng năm: chậm nhất 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- b) Trường hợp công bố thông tin bất thường:
  - (i) Đối với quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 5 Quy chế này: trong vòng 24 giờ tính từ thời điểm xảy ra sự kiện.
- c) Trường hợp công bố thông tin theo yêu cầu: trong vòng 24 giờ tính từ thời điểm Công ty nhận được yêu cầu.
- d) Trường hợp công bố thông tin về giao dịch của các cổ đông nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin.
  - Dự kiến giao dịch cổ phiếu Công ty: 1 ngày làm việc;
  - Kể từ ngày hoàn tất giao dịch: 1 ngày làm việc;
  - Trường hợp không thực hiện được giao dịch, chậm nhất 1 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch;
- e) Trường hợp công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu: ít nhất mười (10) ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng.
- f) Trường hợp công bố thông tin liên quan đến quản trị công ty
  - Báo cáo 06 tháng: 30 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm.
  - Báo cáo năm: 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm.



- g) Trường hợp công bố thông tin về việc chào bán chứng khoán và tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán: 1 ngày làm việc. Báo cáo về tiến độ sử dụng vốn: ngày thứ 30 của tháng thứ 6.

**4. Lưu giữ, bảo quản thông tin sau khi công bố:**

- a) Bộ phận Công bố thông tin thực hiện việc lưu giữ, bảo quản thông tin đã báo cáo, công bố (bao gồm cả văn bản giấy và tập tin trên máy tính theo file các danh mục hồ sơ riêng biệt cho từng loại thông tin).
- b) Thời hạn lưu giữ:
- (i) Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ trên trang thông tin điện tử của Vietjet tối thiểu là 05 năm – Theo quy định tại Điểm 3a Điều 3 Thông tư 155/2015/TTBTC;
  - (ii) Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu phải lưu giữ trên trang thông tin điện tử của Công ty trong tối thiểu là 5 năm – Theo quy định tại Điểm 3b Điều 3 Thông tư 155/2015/TTBTC;
  - (iii) Đối với các trường hợp khác: lưu giữ 02 năm kể từ thời điểm thông tin được công bố.

## **Mục 2. Phát Ngôn**

### **Điều 16. Người phát ngôn**

1. Người phát ngôn là người được Hội đồng quản trị Công ty chỉ định và giao nhiệm vụ phát ngôn trước các phương tiện thông tin đại chúng về các chủ trương, chính sách, quyết định quan trọng của Công ty và các lĩnh vực khác trong phạm vi cho phép.
2. Người phát ngôn chính thức của Công ty là Người đại diện theo pháp luật và Người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty.
3. Người phát ngôn có thể ủy quyền bằng văn bản cho các cán bộ điều hành trực thuộc thực hiện toàn bộ hoặc một phần hoạt động phát ngôn của mình. Mọi cán bộ, nhân viên Công ty không được tự ý phát ngôn về các vấn đề có liên quan đến Công ty khi chưa được người phát ngôn ủy quyền.

### **Điều 17. Nội dung phát ngôn**

1. Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm phát ngôn chính thức về mọi vấn đề liên quan đến việc hoạch định các chiến lược, chính sách; về định hướng phát triển và vốn của Công ty.

2. Người được ủy quyền công bố thông tin chịu trách nhiệm phát ngôn chính thức về vấn đề liên quan đến các hoạt động nghiệp vụ của Công ty trong phạm vi được ủy quyền.
3. Đối với các thông tin đã được công bố dưới dạng thông cáo báo chí trên toàn hệ thống truyền thông của Công ty, các Trưởng đơn vị chủ động cung cấp đến các cơ quan truyền thông tại địa phương nơi đơn vị hoạt động và phổ biến đến từng người lao động để giới thiệu cho khách hàng và đối tác.
4. Trường hợp người phát ngôn được ủy quyền bởi Người đại diện theo pháp luật, nội dung thông tin phải được gửi về Bộ phận Công bố thông tin để tham mưu và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi công bố.

#### **Điều 18. Nhiệm vụ và quyền hạn của người phát ngôn**

1. Người phát ngôn có những nhiệm vụ sau:
  - a) Thực hiện nhiệm vụ phát ngôn trước các phương tiện thông tin đại chúng, tiếp xúc trực tiếp với các cơ quan truyền thông hoặc tổ chức họp báo (nếu có) để thông tin cho công chúng các nội dung quy định tại Điều 6, 7, 8 của Quy chế này;
  - b) Xem xét việc trả lời trước các phương tiện thông tin đại chúng về các vấn đề liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty.
2. Người phát ngôn có những Quyền hạn sau:
  - a) Chủ động quyết định phương thức, nội dung cụ thể của thông tin phát ngôn trong phạm vi thẩm quyền được phép;
  - b) Được quyền từ chối trả lời trước các phương tiện thông tin đại chúng những vấn đề hoạt động của Công ty không thuộc thẩm quyền phát ngôn; được quyền cải chính trên các phương tiện thông tin đại chúng những thông tin không đúng sự thật liên quan đến các lĩnh vực phát ngôn thuộc thẩm quyền.

### **CHƯƠNG III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 19. Điều khoản thi hành**

1. Các cán bộ thuộc Công ty và các đơn vị có liên quan đến hoạt động công bố thông tin có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn thực hiện và tuân thủ nghiêm túc các quy định trong Quy chế này.
2. Giao Bộ phận Công bố thông tin là đầu mối hướng dẫn và quản lý các trường hợp phát sinh khác liên quan đến công bố thông tin trên các phương tiện truyền thông.
3. Mọi hành vi vi phạm các quy định trong Quy chế này đều bị xử lý kỷ luật tương ứng với mức độ và tính chất vi phạm.

#### **Điều 20. Thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quy chế**

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị Công ty thực hiện và phê duyệt.